

Bản án số: 43 /2022/HSST  
Ngày 29 - 9 - 2022

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Quang Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đăng H và ông Vũ Đức Minh.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thanh Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

**Đỗ Minh T**, sinh năm 1981 tại H Yên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm nông; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Văn Ph (đã chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1947;

Tiền án:

Ngày 11/8/2000, bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại bản án hình sự sơ thẩm số 24/2000/HSST, đã chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích.

Ngày 13/02/2003, tiếp tục thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích và bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 07 năm tù về tội Cố ý gây thương tích tại bản án hình sự sơ thẩm số 250/2004/HSST, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 03/9/2009, chưa được xóa án tích.

Đến ngày 18/4/2010, thực hiện hành vi cố ý gây thương tích; ngày 26/10/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xử phạt 05 năm tù về tội Cố ý gây thương tích tại bản án hình sự sơ thẩm số 45/2011/HSST, bỏ trốn và bị truy nã.

Đến ngày 04/8/2011, thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản; ngày 14/08/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Đ1 xử phạt 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2011/HSST buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 09 năm tù.

Ngày 09/06/2011, thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản; ngày 13/9/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 36 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản tại bản án hình sự sơ thẩm số 49/2012/HSST. Ngày 28/02/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số 04/2013/QĐ-CA, tổng hợp hình phạt chung là 12 năm tù. Ngày 26/02/2021, bị cáo chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích.

Bị bắt tạm giam ngày 21/5/2022 – có mặt.

Bị hại: Ông Huỳnh Đăng Đ, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1984; địa chỉ: Bon Phi lơ te 01, xã Đ, huyện T – vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Phạm Thanh H, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn B, M, B, Bình Phước – vắng mặt.

- Anh Lê Quang H, sinh năm 1980; địa chỉ: Bon Đ, xã Đ, huyện T – vắng mặt.

- Anh Lê Văn L, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện T – vắng mặt.

- Chị Trần Thị Y, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn T, T, B, Bình Phước – vắng mặt.

- Anh Dương Ngọc Ch, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn T, T, B, Bình Phước – vắng mặt.

- Anh Lê Văn B, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện T – vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện Đ – vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ – vắng mặt.

- Chị Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện Đ – vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/3/2007, ông Nguyễn Văn D ký kết Hợp đồng giao khoán số 35/HĐ-GK với Lâm trường Qu (sau đổi tên thành Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Qu), nhận khoán 15 héc ta tại lô 1 khoảnh 3 tiểu khu 1548 thuộc địa giới hành chính xã Qu, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (nay thuộc thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông). Đến khoảng năm 2009, ông Nguyễn Văn D chuyển nhượng lại khoảng 02 héc ta cho ông Phạm Thanh H.

Ngày 08/8/2012, ông Phạm Thanh H ký kết Hợp đồng giao khoán số 24/2012/CTQT-GK với Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Qu, nhận khoán 15,4 héc ta tại lô B khoảnh 2 tiểu khu 1548, trong đó ông H đã trồng cây cao

su, còn lại 1,3 héc ta bị người dân xâm canh. Cả hai diện tích đất nêu trên, ông H đã trồng cây cao su, chăm sóc và thu hoạch ổn định, không có tranh chấp. Năm 2020, do không có nhu cầu sử dụng nên ông H sang nhượng lại hai lô đất, cụ thể:

Ngày 30/4/2020, ông Phạm Thanh H sang nhượng lại cho vợ chồng ông Huỳnh Đăng Đ và bà Nguyễn Thị Ph diện tích 02 héc ta tại lô 1 khoảnh 3 tiểu khu 1548 với số tiền 800.000.000 đồng (hai bên lập giấy sang nhượng đất viết tay), lô đất này cách lô thứ hai khoảng 100 mét.

Khoảng cuối năm 2021, thông qua các mối quan hệ xã hội, ông Lê Ngọc T biết được ông H muốn bán lại diện tích 15,4 héc ta tại lô B khoảnh 2 tiểu khu 1548 nên đã T giá 3,4 tỷ đồng, ông T sẽ tìm người để mua, nếu bán được giá cao hơn thì ông T được hưởng. Sau đó, ông T gặp Đỗ Minh T và anh Lê Quang H T cùng nhau tìm người để mua diện tích đất nêu trên. Ngày 24/12/2021, anh Lê Quang H đã dẫn bà Trần Thị Y đi xem lô cao su. Sau khi xem xong, anh H dẫn bà Y đến nhà ông T. Tại nhà ông T, bà Y biết đất có Hợp đồng giao khoán số 24/2012/CTQT nên đã đồng ý mua. Tuy nhiên, thời điểm này ông T chưa T được với ông H về số tiền đặt cọc nên chỉ nhận của bà Y số tiền 100.000.000 đồng để làm tin. Ngày 25/12/2021, ông T đến nhà ông H thương lượng được số tiền đặt cọc là 500.000.000 đồng, rồi ông T gọi điện thoại cho H nói bà Y chuyển số tiền 500.000.000 đồng vào số tài khoản 050024429420 của ông H, bà Y đã chuyển khoản theo yêu cầu của ông T. Chiều cùng ngày, bà Trần Thị Y và ông Dương Ngọc Ch đến nhà ông T thỏa thuận viết hợp đồng đặt cọc, hai bên đồng ý mua bán diện tích lô cao su tại lô B khoảnh 2 tiểu khu 1548 với giá 4.150.000.000 đồng, đặt cọc trước số tiền 600.000.000 đồng.

Sáng ngày 20/01/2022, ông T thuê anh Vinh Việt Th (nhân viên phong quản lý đất công thuộc ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện T) đo lại diện tích đất sổ xanh, cùng đi còn có ông Dương Ngọc Ch, anh Lê Quang H và Đỗ Minh T. Sau khi đo xong, kết quả xác định diện tích đất trồng cây cao su thực tế là 122.047,2m<sup>2</sup> (hơn 12,2 héc ta); tuy nhiên, ông Ch vẫn đồng ý mua. Chiều cùng ngày, ông Lê Ngọc T, anh Nguyễn Văn S, Đỗ Minh T, anh Lê Quang H, ông Dương Ngọc Ch, bà Trần Thị Y đến nhà ông Phạm Thanh H để thanh toán toàn bộ số tiền mua bán đất. Tại đây, ông T đề nghị ông H làm giấy mua bán trực tiếp cho bà Y và ông Ch vì ông T mới điều trị bệnh covid-19, còn đang phải cách ly, nhưng ông H không đồng ý. Lúc này, ông T thỏa thuận với ông H viết giấy ủy quyền cho Đỗ Minh T, để T viết giấy sang nhượng đất cho vợ chồng bà Y thì ông H đồng ý. Sau đó, T viết một Giấy ủy quyền về việc ông H ủy quyền cho T với quyết định xử lý toàn bộ diện tích cao su nằm trong thửa đất lô B khoảnh 2 tiểu khu 1548 người đứng tên ông Phạm Thanh H và một Giấy sang nhượng đất, với nội dung sang nhượng mảnh đất cao su nằm trong thửa đất lô B khoảnh 2 tiểu khu 1548 người đứng tên là Phạm Thanh H cho ông Dương Ngọc Ch. Sau khi viết xong, T đọc cho mọi người cùng nghe rồi đưa hai tờ giấy cho ông H. Lúc này, vợ chồng ông Ch chuyển tổng số tiền 2.900.000.000 đồng vào số tài khoản 050024429420 của ông Phạm Thanh H và chuyển tổng số tiền 600.000.000 đồng vào số tài khoản 103868414252 của ông Lê Ngọc T, còn lại 50.000.000 đồng sẽ thanh toán hết khi T làm xong mốc giới.

Do quá trình làm giấy tờ và chỉ ranh giới đất, T phát hiện 02 héc ta cao su mà ông H sang nhượng cho vợ chồng ông Đ và bà Ph, T tưởng diện tích cao su trên của ông H, sau khi sang nhượng đã bỏ quên nên nảy sinh ý định chiếm đoạt và thuê người dựng lán trông coi. Ngày 22/01/2022, ông Đ thuê máy mức ranh và đào gốc tre tại diện tích đất trên thì giữa ông Đ và bị cáo T xảy ra tranh chấp. Tuy nhiên, ngày 26/01/2022, Đỗ Minh T vẫn thuê Cao Xuân H (sinh năm 1989), Nguyễn Đình C (sinh năm 1987), Nguyễn Văn H (sinh năm 1987), Dương Anh Ng (sinh năm 1986), Lê Ngọc P (sinh năm 1987) sử dụng máy cưa xăng vào cắt hạ 19 cây cao su trong diện tích 02 héc ta tại lô 1 khoảnh 3 tiểu khu 1548 thì bị ông Huỳnh Đăng Đ và bà Nguyễn Thị Ph phát hiện yêu cầu cả nhóm dừng lại. Sau đó, Hoàng gọi điện thoại thông báo cho T biết. Tuy nhiên, khi T gặp ông Đ và được xem giấy sang nhượng đất cao su giữa ông Phạm Thanh H và ông Huỳnh Đăng Đ thì T vẫn cố tình lấn chiếm nên ngày 10/02/2022 ông Huỳnh Đăng Đ đã gửi đơn tố cáo hành vi của Đỗ Minh T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 16/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T, kết luận:

19 cây cao su đang thu hoạch được trồng từ năm 2009, bị cưa hạ ngang gốc, cách mặt đất từ 10 đến 25cm có giá trị tại thời điểm bị hủy hoại ngày 26/01/2022 là 4.976.200 đồng. Trong đó:

Loại A: 04 cây x 379.300 đồng/cây x 100% (thiệt hại) = 1.517.200 đồng.

Loại B: 03 cây x 303.400 đồng/cây x 100% (thiệt hại) = 910.200 đồng.

Loại C: 12 cây x 212.400 đồng/cây x 100% (thiệt hại) = 2.548.800 đồng.

Vật chứng đã thu giữ: 01 Giấy sang nhượng đất đề ngày 30/4/2020; 01 Giấy ủy quyền đề ngày 20/01/2022; 01 Giấy sang nhượng đất sổ xanh; 01 Giấy nhận tiền đề ngày 24/12/2021 (tất cả đều là bản gốc).

Tại bản Cáo trạng số 44/Ctr-VKS ngày 31/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo Đỗ Minh T về tội “*Hủy hoại tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã xác định: Ngày 26/01/2022 tại lô 01 khoảnh 03 tiểu khu 1548 thuộc thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông, Đỗ Minh T đã có hành vi thuê Cao Xuân H, Nguyễn Đình C, Nguyễn Văn H, Dương Anh Ng, Lê Ngọc P sử dụng máy cưa xăng cắt hạ 19 cây cao su đang cho thu hoạch của gia đình ông Huỳnh Đăng Đ và bà Nguyễn Thị Ph, gây thiệt hại được quy thành tiền là 4.976.200 đồng; hành vi của bị cáo Đỗ Minh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Hủy hoại tài sản*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 178 của Bộ luật hình sự; đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 178; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38

của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Minh T từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định trả lại 01 bản gốc Giấy ủy quyền để ngày 20/01/2022; 01 bản gốc Giấy sang nhượng đất sổ xanh; 01 bản gốc Giấy nhận tiền đề ngày 24/12/2021 cho ông Dương Ngọc Ch và 01 bản gốc Giấy sang nhượng đất đề ngày 30/4/2020 cho ông Huỳnh Đăng Đ là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 35.000.000 đồng và bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đề cập xử lý.

Đối với hành vi của Cao Xuân H, Nguyễn Đình C, Nguyễn Văn H, Dương Anh Ng, Lê Ngọc P sử dụng máy cưa xăng cắt cây cao su; tuy nhiên, tất cả đều nghĩ đây là tài sản của T, không biết cây cao su là tài sản của ông Đ, không có dấu hiệu đồng phạm nên không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Minh T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra và thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo về tội “*Hủy hoại tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 178 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan; bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Xuất phát từ việc, ngày 20/01/2022, ông Phạm Thanh H ủy quyền cho bị cáo Đỗ Minh T quyết định xử lý toàn bộ diện tích cao su nằm trong thửa đất lô B khoảnh 2 tiểu khu 1548. Trước đó, ngày 30/4/2020, ông Phạm Thanh H có sang nhượng cho vợ chồng ông Huỳnh Đăng Đ, bà Nguyễn Thị Ph diện tích 02 ha đất tại lô 1 khoảnh 3 tiểu khu 1548; T tương diện tích cao su trên của nằm trong diện tích mà ông H đã ủy quyền cho T; ngày 22/01/2022, gia đình ông Đ thuê xe múc bờ ranh tại thửa đất trên thì xảy ra tranh chấp với T; ông Đ đã thông báo thửa đất trên đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Đ. Đến ngày 26/01/2022, mặc dù

biết thửa đất trên đang tranh chấp, đã được ông H thông báo đã chuyển nhượng thửa đất trên cho gia đình ông Đ nhưng T vẫn thuê Cao Xuân H, Nguyễn Đình C, Nguyễn Văn H, Dương Anh Ng, Lê Ngọc P sử dụng máy cưa xăng, cắt hạ 19 cây cao su đang cho thu hoạch của gia đình ông Đ, có giá trị tại thời điểm bị hủy hoại là 4.976.200 đồng. Vì vậy, có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Đỗ Minh T phạm tội “*Hủy hoại tài sản*” theo quy định Điều 178 của Bộ luật hình sự.

Thời điểm phạm tội, bị cáo đã có 05 tiền án, đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên hành vi phạm tội của bị cáo là “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 178 của Bộ luật hình sự. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức là có căn cứ pháp luật.

Điểm g khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự quy định:

*“1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.*

...

*g) Tái phạm nguy hiểm*

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Đỗ Minh T là nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ; làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương; bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, do ý thức coi thường pháp luật nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt đủ nghiêm thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; mặc dù tài sản bị hủy hoại có giá trị 4.976.200 đồng nhưng bị cáo đã tác động gia đình bồi thường số tiền 35.000.000 đồng cho bị hại và được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Kết hợp tình tiết giảm nhẹ nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Đối với 01 bản gốc Giấy ủy quyền đề ngày 20/01/2022; 01 bản gốc Giấy sang nhượng đất sổ xanh; 01 bản gốc Giấy nhận tiền đề ngày 24/12/2021 và 01 bản gốc Giấy sang nhượng đất đề ngày 30/4/2020 là tài sản của ông Huỳnh Đăng Đ và ông Dương Ngọc Ch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả cho ông Đ, ông Ch là đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 35.000.000 đồng và bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đề cập xử lý.

[7]. Về án phí: Bị cáo Đỗ Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Đối với hành vi của Cao Xuân H, Nguyễn Đình C, Nguyễn Văn H, Dương Anh Ng, Lê Ngọc P sử dụng máy cưa xăng cắt cây cao su; tuy nhiên, tất cả đều nghĩ đây là tài sản của T, không biết cây cao su là tài sản của ông Đ, không có dấu hiệu đồng phạm nên không đề cập xử lý.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Minh T phạm tội “*Hủy hoại tài sản*”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 178; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Minh T 02 (hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 21/5/2022.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại 01 bản gốc Giấy ủy quyền đề ngày 20/01/2022; 01 bản gốc Giấy sang nhượng đất sỏ xanh; 01 bản gốc Giấy nhận tiền đề ngày 24/12/2021 cho ông Dương Ngọc Ch và 01 bản gốc Giấy sang nhượng đất đề ngày 30/4/2020 cho ông Huỳnh Đăng Đ.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Đỗ Minh T phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

**Nơi nhận:**

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PC 06, PC 10 - CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện T;
- CA huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu, HS.

## **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Đã ký

**Phan Quang Trung**